

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TS  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 05/11/2021

V/v: “Tranh chấp về hôn nhân  
và gia đình - Ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TS, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Minh Tâm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lý Đạt Thành

2. Ông Phan Minh Quốc

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thanh Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TS tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Lam Em – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TS xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 171/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Anh Lý Văn T, sinh năm 1979 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Hiệp H, xã MHS, huyện HD, tỉnh Kiên Giang.

\* Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp MT, xã ĐM, huyện TS, tỉnh An Giang.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai nguyên đơn anh Lý Văn T trình bày:*

Anh và chị Nguyễn Thị Tuyết N do tự tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1995, không tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã MHS, huyện HD, tỉnh Kiên Giang ngày 17/10/2002. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc có 02 con chung tên Lý Văn N1, sinh ngày 08/3/1996 và Lý Thị Thùy D, sinh ngày 18/02/2006. Nhưng đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không còn phù hợp, thường hay cự cãi, cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn và kéo dài nên anh yêu cầu được ly hôn chị Nguyễn Thị Tuyết N.

- *Về quan hệ con chung:* Có 02 con chung tên Lý Văn N1, sinh ngày 08/3/1996 (đã thành niên) và Lý Thị Thùy D, sinh ngày 18/02/2006. Sau khi ly hôn anh đồng ý để chị N nuôi dưỡng Lý Thị Thùy D, anh không cấp dưỡng.

- *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Không có.

*\* Về phía bị đơn chị Nguyễn Thị Tuyết N:* Trong quá trình thụ lý vụ án và hòa giải, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật và triệu tập hợp lệ đương sự đến lần thứ hai nhưng chị N không gửi văn bản ghi ý kiến của bản thân, cũng không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị N.

*\* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:* Việc Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết là đúng theo trình tự thủ tục và thẩm quyền, trong quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án cũng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về nội dung: Căn cứ theo các quy định của pháp luật, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lý Văn T.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Lý Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị Tuyết N.

- *Về con chung:* Giao con chung tên Lý Thị Thùy D, sinh ngày 18/02/2006 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có nên không đặt ra xem xét.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, bị đơn chị Nguyễn Thị Tuyết N có địa chỉ tại ấp MT, xã ĐM, huyện TS, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TS theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Tuyết N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, nguyên đơn anh Lý Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn anh Lý Văn T và bị đơn chị Nguyễn Thị Tuyết N.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lý Văn T và chị Nguyễn Thị Tuyết N do tự tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1995, không tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã MHS, huyện HD, tỉnh Kiên Giang ngày 17/10/2002. Vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của anh Lý Văn T, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh T và chị N sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc và có với nhau 02 con chung tên Lý Văn N1, sinh ngày 08/3/1996 và Lý Thị Thùy D, sinh ngày 18/02/2006. Nhưng đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không còn phù hợp, thường hay cự cãi, cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Về phía chị N, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho chị N, tạo điều kiện cho chị N hàn gắn tình cảm với anh T nhưng chị N không đến tham dự các phiên hòa giải, xét xử và cũng không có văn bản nào nêu ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện của anh T, cho thấy chị N không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh Thành để xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có đủ căn cứ để áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lý Văn T.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh T và chị N có 02 con chung tên Lý Văn N1, sinh ngày 08/3/1996 (đã thành niên) và Lý Thị Thùy D, sinh ngày 18/02/2006 (đang sống với chị N). Anh T đồng ý giao cháu Thùy D cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con chung. Do cháu Thùy D đang sống với chị N và chị N cố tình né tránh nên Tòa án không thể lấy ý kiến cháu Thùy D theo quy định của pháp luật để xem xét nguyện vọng của cháu Thùy D khi cha mẹ ly hôn. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mặc dù không xem xét được nguyện vọng của cháu Thùy D nhưng hiện tại cháu Thùy D đang được chị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Cho nên, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và ổn định cuộc sống của cháu Thùy D; Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của anh T, tiếp tục giao cháu Thùy D cho chị N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục nhưng chị N phải tạo điều kiện cho anh T đến thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Lẽ ra, anh T không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng anh T không tự nguyện cấp dưỡng và do chị N vắng mặt đồng thời cũng không có văn bản nào trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử không thể ghi nhận và xem xét. Tuy nhiên, khi có điều kiện và tình hình thời gian thay đổi thì các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về quan hệ tài sản:

- Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Do anh Lý Văn T yêu cầu giải quyết ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Lý Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lý Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị Tuyết N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 70 ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Ủy ban nhân dân xã MHS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung:

Giao con chung tên Lý Thị Thùy D, sinh ngày 18/02/2006 cho chị Nguyễn Thị Tuyết N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

Anh Lý Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được ngăn cản.

Chị Nguyễn Thị Tuyết N phải tạo điều kiện cho anh Lý Văn T được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản:

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Ghi nhận anh Lý Văn T và chị Nguyễn Thị Tuyết N không có nợ chung, nhưng sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh, chị trong thời kỳ sống chung thì anh Lý Văn T và chị Nguyễn Thị Tuyết N vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách là đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

4. Về án phí: Anh Lý Văn T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008285 ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TS, tỉnh An Giang.

5. Anh Lý Văn T và chị Nguyễn Thị Tuyết N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện TS;
- Chi cục THADS huyện TS;
- UBND xã MHS, huyện HD, tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thị Minh Tâm**